

BÁO CÁO THỐNG KÊ
Tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính
(Từ ngày 23/08/2024 đến ngày 29/08/2024)

STT	Tên cơ quan	Hồ sơ kỹ trước chuyển sang	Hồ sơ tiếp nhận								Tổng hồ sơ phải xử lý	Hồ sơ xin hủy		Hồ sơ đã xử lý								Hồ sơ đang xử lý
			Tổng hồ sơ phát sinh trong kỳ	Phát sinh trong kỳ			Lũy kế					Phát sinh trong kỳ	Lũy kế	Phát sinh trong kỳ				Lũy kế				
				Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	Tổng số	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4				Tổng số	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	Tổng số	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	
A	B	(1)	(2)=(3)+(4)+(5)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)+(9)	(7)	(8)	(9)	(10)=(1)+(2)	(11)	(12)	(13)=(14)+(15)+(16)	(14)	(15)	(16)	(17)=(18)+(19)+(20)	(18)	(19)	(20)	(21)=(10)-(11)-(13)
1	Ban Quản lý Khu Kinh tế	3	0	0	0	0	30	15	3	12	3	0	0	1	0	0	1	29	14	4	11	2
2	Bảo hiểm Xã hội	183	505	237	0	268	18.910	9.206	0	9.704	688	0	0	429	210	0	219	19.053	9.291	0	9.762	259
3	Công an tỉnh	8.343	1.214	545	669	0	17.420	7.141	10.279	0	9.557	0	0	294	132	162	0	9.822	3.383	6.439	0	9.263
4	Sở Giao thông Vận tải	130	527	527	0	0	18.537	18.537	0	0	657	0	0	502	502	0	0	18.638	18.638	0	0	155
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	40	115	28	87	0	4.437	1.222	3.215	0	155	0	0	123	36	87	0	4.490	1.275	3.215	0	32
6	Công ty CP Điện nước An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Công ty Điện lực An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Sở Công Thương	10	1.262	0	4	1.258	29.996	14	334	29.648	1.272	3	86	1.262	0	5	1.257	29.993	13	344	29636	7
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	269	27	25	0	2	26.972	596	116	26.260	296	0	28	39	23	14	2	26.725	587	108	26030	257
10	Sở Khoa học và Công nghệ	0	3	0	2	1	63	0	34	29	3	0	1	1	0	0	1	64	0	36	28	2
11	Sở Lao động, Thương binh và XH	18	8	0	7	1	468	0	409	59	26	0	46	7	0	6	1	428	0	375	53	19
12	Sở Ngoại vụ	1	0	0	0	0	18	0	18	0	1	0	0	0	0	0	0	17	0	17	0	1
13	Sở Nông nghiệp và PT Nông Thôn	61	65	0	58	7	1.638	30	1.269	339	126	3	87	58	1	50	7	1.525	31	1160	334	65
14	Sở Nội vụ	18	6	0	0	6	421	37	2	382	24	0	22	12	0	0	12	391	37	2	352	12
15	Sở Thông tin và Truyền thông	2	1	0	1	0	53	0	7	46	3	2	5	0	0	0	0	54	0	2	52	1
16	Sở Tài chính	0	0	0	0	0	17	0	3	14	0	0	2	0	0	0	0	15	0	1	14	0
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	36	7	0	7	0	667	245	399	23	43	0	4	7	0	7	0	711	321	371	19	36
18	Sở Tư pháp	505	311	144	46	121	11.431	5.347	3.036	3.048	816	2	33	308	128	64	116	11.440	5362	3125	2953	506
19	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	10	16	0	0	16	465	0	26	439	26	1	31	16	0	3	13	434	0	25	409	9
20	Sở Xây dựng	73	54	0	22	32	1.219	200	325	694	127	6	211	23	0	3	20	1.008	223	180	605	98
21	Sở Y tế	281	65	2	35	28	2.115	43	929	1.143	346	0	44	57	4	36	17	2.118	35	867	1216	289
Tổng cộng		9.983	4.186	1.508	938	1.740	134.877	42.633	20.404	71.840	14.169	17	600	3.139	1.036	437	1.666	126.955	39.210	16.271	71.474	11.013

Người lập

Phan Thị Như Huỳnh

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thanh Hùng